

Quản lý, đào tạo, giáo dục định hướng cho đối tượng có nhu cầu đi xuất khẩu lao động, nhưng không được phép tuyển dụng đưa người đi xuất khẩu lao động. Quá trình quen biết, Hoàng Văn Đ giới thiệu H1 với Nguyễn Trọng M (SN: 1959, HKTT: xóm T, xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An) là giám đốc Công ty 1-5. Mặc dù Công ty 1-5 không có giấy phép đưa người đi xuất khẩu lao động nhưng Đ vẫn nói với H1 là M có chỉ tiêu đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc và Singapore và thống nhất với H1 lấy danh nghĩa Chi nhánh công ty Hoàng S đi tuyển dụng, nhận hồ sơ, thu tiền của những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Singapore, sau đó thông qua Đ để chuyển tiền và hồ sơ cho M làm thủ tục cho người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động.

Từ tháng 01/2006 đến tháng 04/2007, Vũ Thị Thu H1 lấy danh nghĩa công ty Trường S để quảng bá, hứa hẹn làm thủ tục đưa người đi xuất khẩu lao động tại Singapore. H1 trực tiếp thu tiền và hồ sơ của 27 người lao động với tổng số tiền là 162.800USD và 988.150.000đ (quy đổi tương đương 3.601.252.800đ) sau đó H1 chuyển cho Đ 120.000 USD và 600.000.000 đ kèm theo hồ sơ của người lao động. Đ đã chuyển cho M 87.800 USD và 600.000.000 đ (quy đổi tương đương 2.218.593.000đ), còn giữ lại 32.200 USD (tương đương 593.607.000 đồng).

Sau khi nhận được tiền, Nguyễn Trọng M làm thủ tục xin Visa du lịch (thời hạn 14 ngày) cho các lao động. Mặc dù biết rõ M chỉ làm hồ sơ cho người lao động xuất cảnh sang Singapore dưới dạng đi du lịch chứ không phải đi xuất khẩu lao động nhưng Hoàng Văn Đ vẫn thực hiện việc đưa các lao động bay sang Singapore để giao cho Phan Xuân A là người làm cho M, sau đó Đ bỏ về Việt Nam. Người lao động sau khi hết thời hạn visa bị buộc phải về nước đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của H1 đến cơ quan điều tra, thấy H1 bị người lao động tố cáo, Đ và M bỏ trốn; Vũ Thị Thu H1 bị người lao động đòi tiền và đã trả lại cho người lao động được 8.600 USD, còn chiếm đoạt 154.200USD + 988.150.000 (quy đổi tương đương 3.463.214.200đ),

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 414/2016/HSST ngày 15/11/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, quyết định: Bị cáo Vũ Thị Thu H1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tuyên phạt bị cáo H1 14 năm tù, buộc bị cáo H1 bồi thường cho các bị hại 4.457.885.700 đồng.

Do Hoàng Văn Đ bỏ trốn nên Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã số 13 ngày 01/3/2016 và ra Quyết định tạm đình chỉ tạm đình chỉ điều tra bị can số 15 ngày 03/3/2016 đối với Hoàng Văn Đ. Ngày 02/01/2019, Hoàng Văn Đ tự nguyện ra đầu thú tại Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC 04) - Công an thành phố Hà Nội. Tại cơ quan điều tra, Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Đ khai đã nhận của H1 tổng số tiền: 120.000USD + 600.000.000đ và đã chuyển cho M để lo thủ tục xuất khẩu lao động. Sau khi không lo được việc, M có trả lại tiền cho Đ và Đ đã chuyển lại cho H1 nhưng H1 không thừa nhận. Trong quá trình bỏ trốn Đ làm thất lạc giấy tờ biên nhận việc giao nhận tiền giữa Đ, H1 và M.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn H2 (là chồng của Vũ Thị Thu H1) cung cấp cho cơ quan điều tra 02 giấy biên nhận do Đ viết khi anh H2 chuyển giúp tiền của H1 cho Đ:

- Ngày 20/10/2006, số tiền 10.000USD

- Ngày 16/11/2006, số tiền: 38.000USD

Về các giấy biên nhận này, anh H2 khai trong quá trình làm việc cho H1 thì anh H2 có gặp mặt Đ và có một số lần được H1 nhờ nhận tiền của Đ để chuyển lại cho H1. Anh H2 không biết thỏa thuận cụ thể giữa Đ và H1, không tham gia vào hoạt động đưa người đi xuất khẩu lao động của H1, Đ. Hoàng Văn Đ thừa nhận 02 giấy biên nhận trên là do Đ viết cho anh H2, số tiền này đã được tính vào tổng số tiền H1 đưa cho Đ như đã nêu trên.

Tại bản Kết luận giám định số 11148 ngày 29/01/2016 và bản Kết luận giám định số 3041 ngày 28/06/2019 xác định các tài liệu, giấy biên nhận đứng tên Hoàng Văn Đ do H1, M và anh H2 cung cấp là do Đ ký, viết ra.

Tiến hành đối chất giữa, Hoàng Văn Đ và Vũ Thị Thu H1, kết quả H1 khai đã đưa cho Đ số tiền như đã nêu trên và đến nay Đ chưa trả lại. Đ khai đã nhận của H1 120.000 USD và 600.000.000 đ kèm theo hồ sơ của người lao động. Đ đã chuyển cho M 87.800 USD và 600.000.000đ (quy đổi tương đương 2.218.593.000đ), còn giữ lại 32.200 USD (tương đương 593.607.000 đồng). Sau khi không lo được việc, M đã trả lại tiền cho Đ và Đ đã chuyển lại toàn bộ cho H1 nhưng đến nay chưa ghi được lời khai của M và không có tài liệu khác chứng minh nên có đủ căn cứ xác định Hoàng Văn Đ chiếm đoạt số tiền 32.200 USD (tương đương 593.607.000 đồng).

Ngày 11/01/2019, gia đình Hoàng Văn Đ đã tự nguyện nộp số tiền 300.000.000 đồng cho Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Hà Nội để khắc phục hậu quả.

Ngoài ra ngày 14/5/2019, gia đình Hoàng Văn Đ đã trả cho Nguyễn Văn H2 (chồng của Vũ Thị Thu H1) số tiền 500.000.000 đồng mục đích để H1 bồi thường cho các bị hại.

Đối với Nguyễn Trọng M: Do M bỏ trốn và đang bị truy nã trong vụ án khác do phòng PC 03 - Công an thành phố Hà Nội thụ lý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội đã ra quyết định số 47 ngày 03/3/2016 tách rút tài liệu liên quan đến Nguyễn Trọng M để xem xét xử lý sau.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 331/2019/HS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, quyết định:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Hoàng Văn Đ 04 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/11/2018 đến ngày 11/11/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về bồi thường dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, bị cáo Hoàng Văn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Hoàng Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do: Phiên tòa lần thứ nhất là ngày 11/5/2020, do bị cáo phải cấp cứu tại Trung tâm Đột quỵ - Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa tỉnh Nghệ An, trong tình trạng: Tiền sử tăng huyết áp, suy tim, liệt nửa người trái và tại phiên tòa ngày 06/6/2020, bị cáo trong tình trạng: Nhồi máu não, chưa loại trừ tổn thương tủy cổ, tăng huyết áp, tăng lipid, rối loạn điện giải; liệt nửa người trái chưa cải thiện cơ lực 3/5, điểm Rankin hiệu chỉnh là 3, hạn chế chức năng vận động. Đề nghị xét xử vắng mặt theo nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn Đ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết. Việc xét xử vắng mặt bị cáo và người bào chữa cho bị cáo (đã có bản luận cứ bào chữa cho bị cáo Đ) theo đúng quy định tại Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét hành vi của bị cáo và xác định bị cáo phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 và đã xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xử phạt bị cáo Đ 4 năm 06 tháng tù giam là có căn cứ.

Tại phiên tòa bị cáo xin xét xử vắng mặt và người bào chữa cho bị cáo xin vắng mặt và có đơn và Luận cứ bào chữa cho bị cáo Đ: Thể hiện bị cáo Đ bị liệt nửa người nên không thể tham gia phiên tòa được và có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo hưởng mức án treo. Tài liệu xuất trình là tóm tắt bệnh án (Khoa tim mạch - Bệnh viện đa khoa Hữu Nghị tỉnh Nghệ An), gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương, ông Nội và chú được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bố bị cáo được tặng Bằng khen trong thời gian chống Mỹ cứu nước đây là căn cứ xem xét tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm và giảm hình phạt cho bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Luận cứ của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Do Luật sư không thể có mặt tại phiên tòa nên đã gửi bản luận cứ bào chữa cho bị cáo Đ.

Bị cáo Đ không thể có mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt), nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị cáo.

Về hành vi phạm tội của bị cáo như bản án sơ thẩm đã xác định là đúng. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của bị cáo Đ có phải bỏ trốn hay không? Hiện nay bị cáo đang bị liệt nửa người không thể tự vận động được, bị cáo có nhân thân tốt, gia đình bị cáo có ông nội là Hoàng Minh L và chú là Nguyễn Đức H3 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ, bố đẻ là ông Hoàng Minh N được tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xét cùng với tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 đã được Bản án sơ thẩm nhận định. Bị cáo còn có thêm tình tiết “Tự nguyện ra đầu thú, không bỏ trốn”. Bị cáo Hoàng Văn Đ có đủ điều kiện để cho hưởng chế định về án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn Đ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Bị cáo Đ và Luật sư bào chữa cho bị cáo Đ đã được triệu tập hợp lệ 2 lần và có đơn xin xét xử vắng mặt và Luật sư có gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm Luận cứ bào chữa cho bị cáo. Do đó, căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt bị cáo Đ cũng như người bào chữa cho bị cáo Đ.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố. Lời khai của bị cáo cơ bản phù hợp với lời khai của Vũ Thị Thu H1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị xét xử theo kháng cáo là xin giảm nhẹ hình phạt.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Hoàng Văn Đ làm nghề lao động tự do, mặc dù Đ biết rõ Vũ Thị Thu H1 và Nguyễn Trọng M không có chức năng, nhiệm vụ, không có khả năng đưa người đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài nhưng do muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên khoảng thời gian năm 2006, 2007 Hoàng Văn Đ, Vũ Thị Thu H1 đã đưa ra thông tin gian dối và hứa hẹn đưa người đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài để các bị hại tin tưởng giao tiền, sau đó không thực hiện như cam kết và chiếm đoạt tiền của người lao động. Tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt của bị hại là: 4.457.885.700 đồng, trong đó Hoàng Văn Đ chiếm đoạt 32.200 USD (tương đương 593.607.000 đồng). Hành vi của bị cáo Hoàng Văn Đ đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Đ là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; làm mất trật tự, an toàn pháp luật, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng lớn đến chính sách của Nhà nước về đưa người đi làm việc tại nước ngoài, số tiền các bị cáo chiếm đoạt là rất lớn gây thiệt hại nghiêm trọng cho người lao động ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau.

[4] Trong vụ án này Hoàng Văn Đ với vai trò đồng phạm, kết nối Vũ Thị Thu H1 với Nguyễn Trọng M, giúp H1 chuyển tiền, hồ sơ của người lao động cho M, trong đó Đ được hưởng lợi ích vật chất từ hành vi này của H1 và M.

Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng, đến ngày 01/01/2019 bị cáo ra đầu thú.

Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cần có mức hình phạt tù nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo đã thực hiện.

[5] Tuy nhiên, cần xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đ là trong quá trình bỏ trốn bị cáo đã ra đầu thú tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân chưa tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt; bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm có mức độ, bản thân bị cáo bị tai biến đã nhiều năm, làm căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo như quyết định tại bản án sơ thẩm là có lợi cho bị cáo.

[7] Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Hoàng Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, hiện bị cáo đang bị liệt nửa người không thể tự vận động được, gia đình bị cáo có ông nội là Hoàng Minh L và chú là Nguyễn Đức H3 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ, bố đẻ là ông Hoàng Minh N được tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn (xác nhận của chính quyền địa phương) đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt và chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Đối với đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo là cho bị cáo được hưởng án treo là không có căn cứ.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn Đ, nên bị cáo không phải chịu án phí.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn Đ; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 331/2019/HSST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Hoàng Văn Đ 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/11/2018 đến ngày 11/11/2018.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hoàng Văn Đ không phải nộp

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hưng